

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2023/DS-ST  
Ngày 17 tháng 8 năm 2023  
V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất;  
Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Lê Đăng Phương
- Ông Lương Văn Tâm

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Dương Duy Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “ Quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2023/QĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1963;

1.2. Bà Lê Thị Lệ H1, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang

- Người đại diện cho nguyên đơn ông Lê Văn H và bà Lê Thị Lệ H1 là anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1983, địa chỉ cư trú: số D, đường Q, khóm B, phường B, TP L, tỉnh An Giang (theo văn bản uỷ quyền ngày 07/4/2020;

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn A, sinh năm 1966;

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông **Lê Văn A**: anh **Lê Hoàng D**, sinh năm 1988 và anh **Lê Hoàng G**, sinh năm 1986 (theo văn bản ủy quyền số 3869 và 3870 ngày 12/9/2022).

Cùng địa chỉ cư trú: **ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang**

2.2. Bà **Đặng Thị Tuyết L**, sinh năm 1966;

Địa chỉ cư trú: **ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang**.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1**.

Địa chỉ: **Số H, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội**.

- Người đại diện theo pháp luật của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1**: ông **Ngô Chí D1** - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông **Ngô Chí D1**: ông **Nguyễn Thành L1** - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc (theo văn bản ủy quyền số 07/2015/UQ-HĐQT ngày 13/4/2015).

- Người đại diện theo ủy quyền lại của ông **Nguyễn Thành L1**: ông **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1990 - Chức vụ: Chuyên viên cao cấp Tư vấn tài chính cá nhân – **V2** (theo văn bản ủy quyền số 246/2021/UQ-KSTT ngày 28/12/2021)

Địa chỉ: **1 T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang**.

3.2. **Ủy ban nhân dân huyện C**, tỉnh An Giang.

Địa chỉ: **ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang**.

3.3. Anh **Trần Văn N1**, sinh năm 1982

3.4. Chị **Lê Thị Trúc H2**, sinh năm 1983,

Cùng cư trú **ấp Long Quới 2, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới**

(Anh **P** có mặt, anh **G**, anh **D** bà **L** vắng mặt, anh **N1**, chị **H2** xin vắng mặt, đại diện **ngân hàng V3** và đại diện **UBND huyện C** vắng mặt)

### **NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn ông **Nguyễn Văn P** trình bày:

Yêu cầu ông **A** bà **L** không được ngăn cản ông **H** bà **H1** sử dụng đất theo giấy CH 01278 do ông **H** bà **H1** đứng tên, còn bên ông **A** bà **L** tranh chấp diện tích 84,2 m<sup>2</sup> phía ông **H** bà **H1** không đồng ý, vì theo sơ đồ hiện trạng do Văn phòng đăng ký QSD đất đai **chi nhánh huyện C** lập ngày 21/8/2022, thi phần đất hiện nay ông **H** bà **H1** tranh chấp là 77,2m<sup>2</sup> (trong đó có 1 phần là 74m<sup>2</sup> và 1 phần là 3,2m<sup>2</sup>) nằm trong giấy đồ của ông **H** bà **H1**

Đối với yêu cầu huỷ giấy của ông **A** bà **L** phía ông **H** bà **H1** không đồng ý, vì ông **H** được cấp giấy ổn định và sử dụng từ trước đến nay, phía ông **A** kê khai sau cũng không có ý kiến gì liên quan đến giấy của ông **H** bà **H1**.

Phần định giá đất đang tranh chấp phía ông H bà H1 không có ý kiến thay đổi, thống nhất là 500.000đ/m<sup>2</sup> như hội đồng định giá đã định trước đây.

\* Bị đơn bà L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông A là anh G và anh D thống nhất lời trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp giữa ông A với ông H có diện tích theo bản trích đo hiện trạng khu đất là 84,2m<sup>2</sup> theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 21/8/2022. Phần đất này có nguồn gốc của cha ông H, ông A là ông Lê Văn V để lại phần đất này do ông A sử dụng làm lối đi từ đường lộ liên xã xuống áp chiến lược. Khoảng năm 1995 ông H mua nhà và đất của bà Lê Thị C (chị ông A) ngang khoảng 05m, dài đến áp chiến lược. Quá trình sử dụng ông H sửa nhà và nâng luôn lối đi này để nhà ông H không bị ngập nước, sau đó ông H cắm luôn trụ đá qua luôn lối đi của ông A ngang khoảng 1m, dài tới áp chiến lược mà không cho ông A biết (lúc này ông V chết, anh em ông A vẫn còn hoà thuận). Khoảng năm 2021, ông H có ý định bán nhà và đất nên định kéo hàng rào từ những trụ đá đã có sẵn bao luôn phần đất làm lối đi này nên ông A không cho và ngăn cản. Do đó, ông H khởi kiện ông A bà L ra Tòa án.

Khi Tòa án công bố Sơ đồ hiện trạng phía ông A mới biết lối đi này có diện tích 84,2m<sup>2</sup> nằm trong quyền sử dụng đất của ông H việc ông H kê khai luôn phần đất này thì chúng tôi không biết. Ông A là con út nên cha ông V để lại toàn bộ nhà và đất cho ông A, trong đó có phần lối đi này, việc này cha ông A thể hiện theo tờ chúc ngôn ngang 13m dài tới áp chiến lược, nhưng khi ông H kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đã kê khai phần đất của ông A, bà L, sau đó chúng tôi kê khai xin được cấp giấy thì chỉ được cấp quyền sử dụng nhà và đất ngang khoảng 10m. Nay chúng tôi xác định không đồng ý với yêu cầu của ông H, bà H1, yêu cầu ông H, bà H1 trả phần đất theo sơ đồ hiện trạng diện tích 84,2m<sup>2</sup>. Vì phần đất này ông A, bà L vẫn sử dụng và hiện trạng trên diện tích tranh chấp có căn nhà phủ thờ xây từ năm 1974. Nay ông A, bà L yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH01278 ngày 13/9/2010 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông H, bà H1.

Đồng thời yêu cầu đòi lại diện tích đất 84,2m<sup>2</sup>, do ông H bà H1 lấn chiếm theo sơ đồ hiện trạng ngày 21/8/2022.

Phần định giá đất đang tranh chấp phía ông A bà L vẫn thống nhất là 500.000đ/m<sup>2</sup> như hội đồng định giá đã định trước đây.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần V1 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện C, tỉnh An Giang vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày tại văn bản số 281/UBND-NC, ngày

15/02/2023, việc cấp giấy lần đầu cho ông H bà H1 năm 1999, đến năm 2010 ông H bà H1 xin cấp đổi giấy diện tích không thay đổi là 488m<sup>2</sup>, phần ông A, bà L cũng kê khai đăng ký 1999 đến năm 2004 được cấp giấy. Đối với việc hủy giấy UBND huyện C không có ý kiến tuy Toà án giải quyết.

\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Trần Văn N1** và chị **Lê Thị Trúc H2** cùng trình bày: Anh chị có vay tiền **ngân hàng thương mại cổ phần V1 - chi nhánh A1** không có tài sản thế chấp nên có nhờ cha là ông **Lê Văn H** và bà **Lê Thị Lệ H1** bảo lãnh bằng tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH01278, cấp lần 2 ngày 13/9/2010, để vay số tiền 385.000.000đ trả trong thời hạn 120 tháng, chúng tôi trả đúng kỳ hạn, hiện nay do chú và thêm là ông **A** bà **L** tranh chấp 1 phần đất trong giấy chứng nhận nói trên, anh chị không đồng ý và đồng ý theo ý kiến của cha là ông **H** và mẹ là bà **H1**, ngoài ra không có ý kiến nào khác.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:**

- Về tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; các đương sự chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tuy nhiên đại diện **UBND huyện C**, đại diện **Ngân hàng TMCP V1**, anh **D**, anh **G**, bà **L** vắng mặt đề nghị hội đồng xét xử vắng mặt theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, anh **N1** chị **H2** xin vắng mặt đề nghị hội đồng xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự,

- Về nội dung: Nguồn gốc đất tranh chấp của ông bà để lại trong đó có phần đất của cụ ông **Lê Văn V** sinh năm 1922 (chết năm 2000) và cụ bà **Trần Thị T**, sinh năm 1923 (chết năm 2013) là cha và mẹ của ông **H** và ông **A**, phần liên kê là của cụ **Lê Thị D2** và cụ ông **Nguyễn Văn Đ** là em ruột và em rể của cụ **V**, do cụ **D2** không có con nên xin bà **Lê Thị C** là con ông **V** (chị ruột của ông **H** và ông **A**) làm con nuôi, đến năm 1995, cụ **D2** khó khăn nên bán phần đất này lại cho ông **H** bà **H1**, khi ông **H** bà **H1** kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận QSD đất, lúc này cụ **V** còn sống chỉ và xác định mốc ranh (ý kiến trình bày của bà **C**) để ông **H** xây dựng cuốn nền toàn bộ khu vực nhà ở và xây phía sau cuốn nền làm nhà và chừa lối đi để cụ **D2** ở đi lại, như vậy thể hiện ông **H** bà **H1** chuyển nhượng lại phần đất của cụ **D2** có sự chứng kiến của cụ **V** theo giấy chuyển quyền của cụ **D2**, cụ **Đ1** ngày 03/9/1995. Mặt khác sau khi mua phần đất của cụ **D2** ông **H** bà **H1** kê khai đăng ký năm 1999, thì ông **A** bà **L** cũng đi kê khai đăng năm 1999, biên bản ký giáp ranh tứ cận của phần đất của ông **H** do cụ **V** ký, biên bản ký giáp ranh tứ cận của phần đất ông **A** do ông **H** ký, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện diện tích đất ông **H** bà **H1** sử dụng đúng vị trí đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ông **A** bà **L** yêu cầu huỷ giấy chứng nhận đã cấp cho ông **H** bà **H1** là không có căn cứ đề nghị hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận.

Ngoài ra ông **A** bà **L** còn yêu cầu ông **H** bà **H1** trả lại diện tích đất 84,2m<sup>2</sup>, theo sơ đồ hiện trạng ngày 21/8/2022 cũng không có căn cứ đề nghị HĐXX không chấp nhận

Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông **H** bà **H1** yêu cầu ông **A**, bà **L** chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất là có căn cứ đề nghị HĐXX chấp nhận.

Đồng thời đề nghị buộc các đương sự chịu chi phí tố và án phí theo quy định

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: đại diện UBND huyện C, đại diện Ngân hàng TMCP V1, anh D, anh G, bà L vắng mặt, anh N1 chị H2 xin vắng mặt, nên HĐXX xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Đất tranh chấp tọa lạc tại xã L, huyện C và có yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án huyện C chuyển vụ án và Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã thụ lý nên Tòa án tỉnh tiếp tục giải quyết theo quy định tại Điều 37, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật tranh chấp: nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn chấp dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, nên quan hệ tranh chấp “chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất” theo quy định tại Điều 164 Bộ Luật dân sự, bị đơn phản tố yêu cầu huỷ giấy chứng nhận QSD đất của nguyên đơn và buộc nguyên đơn trả lại diện tích đất 84,2m<sup>2</sup>, nên còn quan hệ tranh chấp “ yêu cầu huỷ giấy chứng nhận QSD đất” và “ Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 và Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở QSD đất: qua thu thập chứng cứ và lời trình bày của đương sự tại phiên toà thể hiện ông Lê Văn H và bà Lê Thị Lê H1 được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 07/9/1999, giấy số 02647/cB và cấp đổi lần 2 ngày 13/9/2010, giấy số CH01278, có diện tích không thay đổi là 488m<sup>2</sup>, thửa số 29, tờ bản đồ số 27, đất thuộc ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Hội đồng xét xử nhận thấy diện tích đất này chỉ do ông H, bà H1 là người được sử dụng hoặc giao cho người khác sử dụng phải được sự đồng ý của ông H và H1, mọi hành vi cản trở không cho ông H và H1 sử dụng đất theo Điều 166 Luật đất đai quy định là trái quy định pháp luật, do đó yêu cầu khởi kiện của ông H và H1 là có căn cứ được chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát.

[2.2] Về yêu cầu huỷ giấy chứng nhận của nguyên đơn: Nguồn gốc đất tranh của cụ Lê Thị D2 và cụ ông Nguyễn Văn Đ là em ruột và em rể của cụ V, do cụ D2 không có con nên xin bà Lê Thị C là con ông V (chị ruột của ông H và ông A) làm con nuôi, do bà C có chồng về bên chồng, cụ D2 và cụ Đ sống ở phần đất này đến năm 1995, cụ D2 khó khăn nên bán phần đất này lại cho ông H và H1, tuy bán nhưng cụ D2 và cụ Đ vẫn ở trên phần đất này, khi ông H và H1 kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận QSD đất,

lúc này cụ V còn sống chỉ và xác định mốc ranh (ý kiến trình bày của bà C) để ông H xây dựng cuốn nền toàn bộ khu vực nhà ở và xây phía sau cuốn nền làm nhà và chừa lối đi để cụ D2 ở đi lại, như vậy thể hiện ông H và H1 chuyển nhượng

lại phần đất của cụ **D2** có sự chứng kiến của cụ **V** theo giấy chuyển quyền của cụ **D2**, cụ **Đ1** ngày 03/9/1995. Mặt khác sau khi mua phần đất của cụ **D2** ông **H** bà **H1** kê khai đăng ký năm 1999, thì ông **A** bà **L** cũng đi kê khai đăng năm 1999, biên bản ký giáp ranh tứ cận của phần đất của ông **H** do cụ **V** ký, biên bản ký giáp ranh tứ cận của phần đất ông **A** do ông **H** ký, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện diện tích đất ông **H** bà **H1** sử dụng đúng vị trí đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ông **A** bà **L** yêu cầu huỷ giấy chứng nhận đã cấp cho ông **H** bà **H1** là không có căn cứ chấp nhận như đề xuất của Viện kiểm sát.

[2.3] Về đòi lại diện tích đất 84,2m<sup>2</sup>, theo sơ đồ hiện trạng ngày 21/8/2022, ông **A** bà **L** cho rằng ông **H** bà **H1** lấn chiếm, như nhận định phần trên ông **H** bà **H1** sử dụng đúng vị trí, đúng diện tích và giấy chứng nhận được cơ quan có thẩm quyền cấp đúng trình tự, thủ tục nên không có căn chấp nhận

[2.4] Đối với việc anh **N1**, chị **H2** vay tiền của **Ngân hàng TMCP V1 chi nhánh A1** do ông **H**, bà **H1** bảo lãnh các bên không có tranh chấp, nên HĐXX không xem xét, nếu có tranh chấp thì giải quyết ở vụ án khác.

[3] Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc 1.408.320đ, chi phí thẩm định và định giá 1.000.000đ, tổng cộng 2.408.320đ (do ông **H** tạm nộp), do yêu cầu của ông **H** được chấp nhận nên ông **A** bà **L** phải chịu toàn bộ chi phí này, đồng thời hoàn trả lại cho ông **H** số tiền này (2.408.320đ)

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của ông **H**, bà **H1** được chấp nhận nên ông bà không phải chịu án phí, ông **A** bà **L** phải thực hiện nghĩa vụ nên phải chịu 300.000đ (phần yêu cầu của ông **H** bà **H1** được chấp nhận) và 2.105.000đ (phần đòi lại đất không được chấp nhận), tổng cộng là 2.405.000đ

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 157; khoản 6 Điều 165; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 164 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai 2013

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Văn H** và bà **Lê Thị Lệ H1** đối với ông **Lê Văn A** bà **Đặng Thị Tuyết L**

- Buộc ông **Lê Văn A** bà **Đặng Thị Tuyết L** chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 84,2m<sup>2</sup>, tại các điểm 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 7,

8, 18, 23 theo sơ đồ trích đo hiện trạng khu đất ngày 21/8/2022, của Văn phòng Đ2 chi nhánh C thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH01278 do UBND huyện C cấp ngày 13/9/2010 do ông Lê Văn H và bà Lê Thị Lệ H1 đứng tên, đất tọa lạc tại: xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

(Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 21/8/2022, của Văn phòng Đ2 chi nhánh C là một phần của bản án sơ thẩm)

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn A bà Đặng Thị Tuyết L yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH01278 được UBND huyện C cấp ngày 13/9/2010 do ông Lê Văn H và bà Lê Thị Lệ H1 đứng tên.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn A bà Đặng Thị Tuyết L đòi ông Lê Văn H và bà Lê Thị Lệ H1 trả lại diện tích đất 84,2m<sup>2</sup>, tại các điểm 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 7, 8, 18, 23 theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 21/8/2022, của Văn phòng Đ2 chi nhánh C thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH01278 do UBND huyện C cấp ngày 13/9/2010 do ông Lê Văn H và bà Lê Thị Lệ H1 đứng tên, đất tọa lạc tại: xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

- Chi phí tố tụng: ông Lê Văn A bà Đặng Thị Tuyết L cùng phải chịu 2.408.320đ, ông Lê Văn A bà Đặng Thị Tuyết L phải hoàn trả cho ông Lê Văn H số tiền này (2.408.320đ)

- Án phí dân sự sơ thẩm: ông Lê Văn A bà Đặng Thị Tuyết L cùng phải chịu 2.405.000đ, Ông H bà H1 không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Lê Văn H và bà Lê Thị Lệ H1 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009777 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh AG;
- Cục THADS tỉnh AG;
- Phòng KTNV- THA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Chợ Mới ;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Bùi Văn Chiến**